

Phụ lục I
DANH SÁCH CẤP MỚI, CẤP LẠI
GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH TUẦN 30 NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định /QĐ-SYT ngày tháng 07 năm 2026 của Sở Y tế)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Nguyễn Thị Thùy Nga	20/01/2002	049302011203	06/05/2023	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002205/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)
2	Phùng Thúy Vân	24/02/1993	066193017718	09/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Y học cổ truyền	002206/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)
3	Hoàng Phương Hoa	12/02/2001	067301000378	15/01/2026	Bộ Công an	Hộ sinh	Hộ sinh	002207/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)
4	Huỳnh Gia Huệ	28/07/2004	067304001152	15/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002208/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)
5	H' Ngễ Ayün	20/04/2000	066300015140	09/04/2025	Bộ Công an	Y sĩ	Y học cổ truyền	002209/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
6	H Sakari Êban	20/01/2004	066304008816	12/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002210/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)
7	H Trin Ayũn	09/05/2004	066304018378	06/05/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002211/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)
8	Trần Thị Tuyết Trinh	26/07/1995	066195014011	10/12/2024	Bộ Công an	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002212/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)
9	Vũ Khắc Hào	06/03/1989	040089034417	08/07/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Y học cổ truyền	002213/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)
10	Tán Anh Mùi	20/01/2003	066303003848	19/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Hộ sinh	Hộ sinh	002214/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)
11	Nguyễn Phương Lâm	29/11/1999	066099008554	18/12/2024	Bộ Công an	Y sĩ	Đa khoa	002215/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)
12	Lê Đức An	12/03/1994	042094007553	13/09/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Phục hồi chức năng	002216/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
13	Trương Thủy Kim Ngân	25/02/2004	054304003129	07/03/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002217/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)
14	Nguyễn Thị Thu Hương	06/02/1996	066196005337	12/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	002218/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (thay đổi chức danh)
15	Nguyễn Bảo Toàn	01/01/2000	066200014180	13/01/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002219/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)
16	H' Tuyết Rcăm	07/06/2004	066304019337	25/01/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002220/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)
17	Võ Văn Tấn	06/06/2000	066200017849	02/06/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002221/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)
18	Nguyễn Thị Hải Hà	20/10/1985	042185003070	13/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật viên	Xét nghiệm Y học	002222/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (thay đổi chức danh)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
19	Võ Thị Ly	18/11/1999	054199008478	10/02/2025	Bộ Công an	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002223/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)
20	Nguyễn Văn Hảo	08/05/1998	066098000916	11/08/2023	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Y khoa	002224/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (thay đổi chức danh)
21	Nguyễn Hoài Khôi Nguyên	13/10/1999	066099011807	05/02/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Chuyên khoa Tai mũi họng	002225/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)
22	Kpă H Nhak	08/08/2004	066304012904	13/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002226/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)
23	H Hê Rin Ktla	11/07/2003	066303011206	19/06/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002227/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)
24	H' Âm Niê	17/01/2004	066304014403	13/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002228/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
25	Nguyễn Hương Trà	15/02/2004	054304007150	13/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Hộ sinh	Hộ sinh	002229/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)
26	Phạm Thị Nhật Linh	02/07/2002	054302002977	18/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002230/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)
27	Lý Thị Hồng	22/08/2002	067302006172	24/06/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002231/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)
28	A Lê Hờ Văn	22/10/2004	054304002815	24/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Đa khoa	002232/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)
29	Lưu Thị Tư	16/01/1989	066189018365	16/09/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002233/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp lại
30	Triệu Thị Chính	23/09/2001	066301013325	27/12/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	002234/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)
31	La Thị Mộng Huyền	02/07/1991	066191017261	22/11/2024	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002235/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (thay đổi chức danh)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
32	Tô Thanh Tín	11/11/1999	054099009449	28/01/2023	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Răng Hàm Mặt	002236/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)
33	H' Tới Niê	15/05/2002	066302012867	27/10/2025	Bộ Công an	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002237/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)
34	Lê Thị Lan Anh	03/06/2003	066303013245	10/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Đa khoa	002238/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)
35	H Nhan Arăn	15/09/2003	066303002696	05/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002239/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)
36	H Trim Ayün	19/10/1999	066199008283	14/10/2024	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002240/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)
37	Y Chang Buôn Dáp	31/03/1994	066094018847	22/09/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	002241/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)
38	Nguyễn Nguyên Phương	08/06/1999	066099001671	17/01/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002242/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
39	Nguyễn An Cường	28/02/1998	066098007160	14/09/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	002243/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)
40	Huỳnh Thị Ánh Ngọc	18/10/2002	066302006383	31/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002244/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)
41	Mó Pin	29/02/2004	066304003227	10/05/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002245/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)
42	Phạm Hồng Tuấn	21/07/1989	066089002481	29/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	002247/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (thay đổi chức danh)
43	Đào Thị Bảo Nhật	06/01/1990	054190000488	25/03/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Y học cổ truyền	002248/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)
44	Trương Quỳnh Tú	15/01/1996	054196010205	14/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Đa khoa	002249/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
45	Nguyễn Thị Thu Hòa	30/10/1990	066190017875	26/03/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y học cổ truyền	002250/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (thay đổi chức danh)
46	Lê Văn Thường	15/08/2003	054203000332	25/03/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Hình ảnh y học	002251/ĐL-GPHN	29/07/2026	29/07/2031	Cấp mới (lần đầu)

Danh sách bao gồm 46 cá nhân./.

Phụ lục II
DANH SÁCH THU HỒI
CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ/GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TUẦN 30 NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định /QĐ-SYT ngày tháng 07 năm 2026 của Sở Y tế)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GPHN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hồi</i>
1	Nguyễn Thị Thu Hương	06/02/1996	241482697	008730/ĐL-CCHN	04/07/2019	Y sĩ	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
2	Nguyễn Thị Hải Hà	20/10/1985	240814266	0004610/ĐL-CCHN	07/08/2014	Kỹ thuật viên	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GPHN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hồi</i>
3	Nguyễn Văn Hảo	08/05/1998	066098000916	009142/ĐL-CCHN	02/06/2020	Y sĩ	Y khoa	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
4	Lưu Thị Tư	16/01/1989	241018952	002011/ĐL-CCHN	15/10/2013	Điều dưỡng	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
5	La Thị Mộng Huyền	02/07/1991	241099065	0005267/ĐL-CCHN	11/02/2015	Y sĩ	Thực hiện phạm vi hoạt động theo quy định tại Thông tư số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/05/2015	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GPHN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hồi</i>
6	Phạm Hồng Tuân	21/07/1989	066089002481	0005371/ĐL- CCHN	16/04/2020	Y sĩ	Thực hiện phạm vi hoạt động theo quy định tại Thông tư số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/05/2015	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
7	Nguyễn Thị Thu Hòa	30/10/1990	241269856	002347/ĐL- CCHN	11/11/2013	Y sỹ y học cổ truyền	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

Danh sách bao gồm 07 cá nhân./.